

Số: 682/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản mỏ đá Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”
(Trữ lượng tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh được thăm dò khoáng sản tại mỏ đá Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn;

Xét hồ sơ và Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh ngày 01/7/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3421/STNMT-KS ngày 26/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò, nâng cấp trữ lượng khoáng sản mỏ

đá Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 16,7 ha (*Bằng chữ: Mười sáu phẩy bảy hecta*), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong Báo cáo, cụ thể:

- Trữ lượng địa chất cấp 121: 4.613.051 m³.

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 2.503.500 m³.

3. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác (cấp 121): 4.397.814 m³;

5. Khoáng sản đi kèm: đất bóc tầng phủ làm vật liệu san lấp 201.903 m³.

Trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Thông số nêu trên được sử dụng để lập dự án đầu tư, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm VLXD thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò, nâng cấp trữ lượng khoáng sản mỏ đá Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi” (*trữ lượng tính đến ngày 15/3/2021*).

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Chủ tịch UBND xã Bình Nguyên; Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư An Phú Vinh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT (NN) UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc329).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục số 01

**TOA ĐỘ KHU THAM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ ĐÁ TRÌ BÌNH,
XÃ BÌNH NGUYÊN, HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số 082/QĐ-UBND
ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
	Diện tích: 16,7 ha	
M4	1699250.73	575768.31
M5	1699261.71	575782.13
M6	1699287.14	575971.52
M7	1699086.19	576240.19
M8	1698966.25	576198.17
B	1698898.63	576231.00
C	1698886.08	575850.10
D	1699188.00	575623.00
E	1699245.00	575752.00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục số 02

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN KHOÁNG SẢN
ĐÁ LẠM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ ĐÁ TRÌ
BÌNH, XÃ BÌNH NGUYÊN, HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số ~~682~~ **682**/QĐ-UBND
ngày ~~05~~ **05**/2021 của UBND tỉnh)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu khai thác thấp nhất các khối trữ lượng (m)	Trữ lượng địa chất (m ³)	Trữ lượng đưa vào khai thác (m ³)	Ghi chú
1	I-121	+25	561.659	535.456	
2	II-121	+25	1.994.246	1.916.808	
3	III-121	+25	481.123	436.558	
4	IV-121	+25	910.129	877.225	
5	V-121	+25	655.618	621.624	
6	VI-121	+25	10.276	10.143	
7	I-122	+10	2.503.500	-	
Tổng 121			4.613.051	4.397.814	
Tổng 122			2.503.500	-	